Ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam trong thế kỉ XX từ góc nhìn văn học sử

Ngô Viết Hoàn[1]

[1] Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: ngoviethoan@gmail.com

Nhận ngày 29 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 2 năm 2020.

Tóm tắt: Quá trình hiện đại hóa nền văn hóa, văn nghệ của Việt Nam không thể tách rời việc tiếp xúc, giao lưu và học hỏi từ các trường phái, học thuyết phương Tây hiện đại. Quan hệ giữa lý luận, phê bình văn học phương Tây và Việt Nam được bắt đầu từ sớm và đạt nhiều thành tựu xuất sắc. Việc tìm hiểu những đặc điểm và nội dung tiếp nhận, vận dụng lý thuyết văn nghệ phương Tây hiện đại ở Việt Nam sẽ góp phần phác thảo toàn cảnh lịch sử tiếp nhận lý thuyết văn chương ở Việt Nam qua hơn một thế kỷ, cũng như chỉ ra một số đặc trưng nổi bật của nó.

Từ khóa: Lý luận văn học, phê bình văn học, văn học phương Tây.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: The process of modernising Vietnam's culture and arts cannot be separated from the contact, exchange with and learning from modern Western schools and theories. The relationship between Western and Vietnamese literary theory and criticism, which started early, has yielded many outstanding achievements. Studying the characteristics and content of receiving and applying modern Western literary theory in Vietnam will contribute to outlining the panoramic history of the reception of the theory in the country over more than a century, as well as point out some of its salient features.

Keywords: Literary theory, literary criticism, Western literature.

Subject classification: Literature

1. Mở đầu

Văn học Việt Nam với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, là sự kết tinh sâu sắc các giá trị về văn hóa, tinh thần và trí tuệ của dân tộc Việt Nam. Cùng với thăng trầm của lịch sử, văn học Việt Nam cũng có những chuyển mình mạnh mẽ cả về tư duy nghệ thuật lẫn hình thức sáng tạo. Sự chuyển đổi hệ hình này, một mặt có liên quan đến thực tế đời sống của Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau, mặt khác lại liên quan đến vai trò của lý luận văn học Việt Nam trong việc tạo ra các xu hướng cảm thụ hay thẩm mỹ khác nhau trong công chúng, độc giả, cũng như định hướng sáng tạo cho đội ngũ sáng tác.

Đặt đời sống văn nghệ và lý luận, phê bình văn học Việt Nam trong bối cảnh lịch sử của đất nước, có thể nhận thấy: mối quan hệ giữa lý luận văn học phương Tây và Việt Nam có sự gắn bó mật thiết với bối cảnh xã hội đương thời qua các thời kỳ. Văn nghệ Việt Nam khi thì chủ động tiếp nhận và hy vọng thông qua các phương pháp nghiên cứu của các trào lưu học thuật phương Tây để làm mới hay hiện đại hóa chính mình; khi lại tiếp thu một cách dè dặt, thậm chí chối từ tiếp nhận; hoặc tiếp nhận nhưng không khách quan hoặc vì các chủ đích khác nhau của cuộc đấu tranh ý thức hệ. Hơn 30 năm đổi mới, bằng sự nỗ lực của nhiều thế hệ học giả, đời sống lý luận, phê bình văn nghệ Việt Nam đã trở nên tươi tắn và đa sắc thái hơn. Tuy vậy, do nhiều hạn chế đến từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan, sự tiếp nhận đó còn tản mạn, đơn lẻ, thiếu hệ thống. Lý luận, phê bình văn học Việt Nam trong quan hệ với phương Tây vẫn là mối quan hệ bị động. Nguyên nhân là lý do từ ý thức hệ của Việt Nam trong việc chọn lựa và tiếp nhận các hệ hình tư tưởng, lý luận nước ngoài; tính hệ thống của nền học thuật, cũng như năng lực nghiên cứu, khả năng ngoại ngữ của các nhà nghiên cứu. Bài viết bàn về sự ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam trong thế kỉ XX từ góc nhìn của văn học sử, qua đó khái quát tiến trình phát triển của lý luận, phê bình văn học Việt Nam trong thế kỉ có nhiều biến động này.

2. Ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945

Tháng 8 năm 1858, quân viễn chinh Pháp cùng Tây Ban Nha đổ bộ vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc xâm lăng kéo dài gần 100 năm trên đất An Nam. Sự có mặt của người Pháp trên toàn cõi Đông Dương với hệ thống nhà trường Pháp ngữ và văn hóa Pháp đã khiến cho nền văn hóa ba nước Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam bước vào một thời kỳ mới đầy biến động. Đó là thời khắc của sự giao hòa và chuyển tiếp giữa cái cũ và cái mới. Truyền thống văn hóa Nho giáo hàng ngàn năm đứng trước nguy cơ bị xóa sạch và thay thế bởi văn hóa phương Tây hiện đại. Lực lượng nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học đương thời do đó cũng bị phân hóa thành hai bộ phận: bộ phận các nhà lý luận, phê bình truyền thống với lối phê bình bảo thủ trước đây và bộ phận các nhà lý luận, phê bình hiện đại (những người muốn phá bỏ hệ hình tư tưởng Nho học và lợi dụng các

phương pháp mới của lý luận, phê bình văn học phương Tây để cách tân nền văn hóa, văn học trong nước).

Trong tiến trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc ấy, Tản Đà xuất hiện như một ngôi sao mới (người mở đường cho công cuộc đổi mới đầy gian nan của văn chương Việt Nam). Hoài Thanh, Hoài Chân ví Tản Đà là người đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đang sắp sửa và cho rằng, Tản Đà đã đưa ra một cái nhìn khoáng đạt khi thẩm định văn chương.

Trên nền móng mà Tản Đà đã xây dựng, các nhà cựu học, tân học Việt Nam đương thời đã mở rộng và làm phong phú hơn diện mạo của nền văn học cũng như đa dạng hóa phương thức phê bình văn học. Truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn… kịch của Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc… đặc biệt là tiểu thuyết *Tố Tâm* (1925) của Hoàng Ngọc Phách khiến cho nền văn hóa, văn học Việt Nam đương thời được cách tân một cách toàn diện và triệt để. Cho đến cuối những năm 1930 và đầu những năm 1940, gần như mọi thể tài của văn học hiện đại thế giới đều đã xuất hiện trên văn đàn Việt Nam, một số thể loại đã thực sự chín muồi theo lối hiện đại hóa tư sản. Riêng lĩnh vực phê bình cũng đã gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể. Lần đầu tiên trên văn đàn xuất hiện những tác phẩm phê bình chuyên biệt như *Phê bình và Cảo luận* (1933) của Thiếu Sơn, *Thi nhân Việt Nam* (1942) của Hoài Thanh, Hoài Chân, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan…

Thi nhân Việt Nam được xem là thành tựu lớn nhất và tiêu biểu nhất của phê bình văn học Việt Nam thời kỳ này. Lần đầu tiên trong lịch sử văn chương Việt Nam xuất hiện một chuyên luận phê bình văn học tiến hành khảo sát và đưa ra các nhận xét đắt giá về tác giả và tác phẩm của 44 thi nhân.

Bàn về việc tiếp nhận lý luận, phê bình văn học phương Tây hiện đại trong thời kỳ này, đáng chú ý phải kể đến một loạt ý kiến và nhận định của Xuân Diệu: "Văn chương An Nam phải có tính cách An Nam… Chúng ta phải gìn giữ cho tính cách An Nam. Điều ấy rất phải. Nhưng giữ gìn bờ cõi có phải là đóng hết cửa biển, tuyệt hết giao thông, bế tắc cả nước lại đâu!... Đời nào văn Việt Nam lại dung túng những lối văn sống sượng, một lối văn nô lệ cho văn Tàu hay văn Tây! Trong văn chương cũng có một luật đào thải tự nhiên; những cái phản với tinh thần quốc văn tất phải tiêu diệt…" [18, tr.575]. Qua đó, dễ dàng nhận thấy, các nhà văn, nhà lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương thời ý thức rất sâu sắc về tinh thần dân tộc trong văn học và ý thức độc lập trong sáng tạo, phê bình văn chương.

Ngoài ra, có thể nói Phân tâm học là một trong những lý thuyết của các trường phái lý luận, phê bình văn học phương Tây được tiếp nhận tương đối sớm ở Việt Nam. Ngay từ những năm 1930, 1940, trong lĩnh vực sáng tác, người ta dễ dàng tìm ra được các dấu vết của lý thuyết này trong tác phẩm của các nhà văn như Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam hay Nam Cao. Còn trong lĩnh vực phê bình, Trương Tửu, Nguyễn Văn Hạnh là người đã vận dụng lý thuyết này một cách khá nhuần nhuyễn và thành thục trong các nghiên cứu và phê bình tác phẩm văn chương. Năm 1945, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa,

toàn bộ hệ thống triết học và tư tưởng Việt Nam được định hướng theo hệ hình tư tưởng của chủ nghĩa Mác-xít. Phân tâm học cũng như các trào lưu triết học, mỹ học và lý thuyết văn học phương Tây khác dường như bị từ chối tiếp nhận tại Việt Nam.

3. Ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam thời kỳ 1945-1986

Đề cương văn hóa (1943) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo ra một cuộc chuyển biến sâu sắc vệ hệ hình và tư tưởng đối với văn hóa và văn học Việt Nam đương thời. Mục tiêu của cuộc cách mạng văn hóa này là: văn hóa mới Việt Nam phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xô viết, có tính dân tộc và tân dân chủ về nội dung. "Dân tộc hóa", "đại chúng hóa", "khoa học hóa" trở thành 3 nguyên tắc vận động cơ bản của cuộc cách mạng này. Hệ quả của cuộc cách mạng văn hóa này là việc biến nền văn học Việt Nam từ tự do, phóng khoáng đầu thế kỉ trở thành một nền văn học đơn điệu và khuôn thức. Khuynh hướng Mác-xít, hiện thực xã hội chủ nghĩa nhất quán, triệt để là đặc điểm nổi bật của phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975.

Cùng với *Đề cương văn hóa* (1943), hệ thống lý luận, phê bình văn học nước ngoài mà Việt Nam chọn lựa để tiếp nhận và học hỏi thời kỳ này gần như chủ yếu đến từ Liên Xô. Thậm chí, có nhà phê bình văn học Việt Nam đương thời, vì quá tôn sùng di sản của nhà phê bình văn học Nga V. Bielinxki mà tuyên bố rằng: "Công chúng sẵn sàng tha thứ cho một nhà văn vì một quyển sách dở, chứ không bao giờ tha thứ cho một quyển sách có hại" [2][2]. Những khái niệm như "chất thép", "tính đảng", "cách mạng"… trở nên quen thuộc trong các tác phẩm phê bình văn học giai đoạn này. Ngược lại, cái tôi cá nhân, chủ nghĩa lãng mạn, nỗi buồn chiến tranh… là những nội dung gần như bị cấm hoàn toàn trong cả sáng tác và phê bình văn học. Cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm sau 1954 cũng là một biểu hiện cực đoan của việc tôn sùng một cách thái quá chủ nghĩa Mác - Lênin và lối phê bình xã hội học Mác-xít.

Khác với miền Bắc, có thể nói miền Nam giai đoạn 1954-1975 là một xã hội đa văn hóa, trong đó màu sắc văn hóa phương Tây, đặc biệt là văn hóa đại chúng Mỹ là một bộ phận quan trọng. Chính phủ miền Nam Việt Nam, mà đứng sau là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ chủ trương đa nguyên hóa văn hóa. Văn hóa, văn học miền Nam thời kỳ này cũng vì thế có được một bầu không khí hoạt động khá tự do, với đủ các trường phái triết, mỹ học và lý luận văn học khác nhau. Lý luận và phê bình văn học phương Tây trở nên quen thuộc và là một phần không thể thiếu trong đời sống văn chương miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Các trường phái lý luận, phê bình văn học phương Tây, như: phân tâm học, chủ nghĩa hiện sinh, mỹ học tiếp nhận, cấu trúc luận, hiện tượng luận… được dịch, giới thiệu và vận dụng một cách sâu rộng. Điều này cho thấy sự đa phức trong đời sống lý luận, phê bình văn học ở miền Nam, với việc khám phá các chủ thể văn học từ nhiều góc nhìn lý luận khác nhau. *Hiện tượng học* của Edmund Husserl, *Hiện tượng học Hiện sinh* của Jean Paul Sartre và *Hiện tượng học*

Thông diễn của Martin Heidegger được đông đảo nhà nghiên cứu và học giả miền Nam Việt Nam tiếp nhận và giới thiệu, như: *Triết học hiện sinh*, *Hiện tượng học là gì* và loạt bài bàn về *Chủ đề hiện tượng học của Husserl* của Trần Thái Đỉnh; *Hiện tượng học ở Việt Nam* của Trịnh Nữ…

Các tác giả và tác phẩm lý luận phê bình văn học ở miền Nam Việt Nam thời kỳ này có thể kể đến: Nguyễn Văn Trung với *Lược khảo văn học*, *Nhận định*, *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết*, *Ngôn ngữ và thân xác*; Thanh Lãng với *Bảng Lược đồ văn học Việt Nam*, *Phê bình văn học thế hệ 1932*, *Văn học Việt Nam hai thế hệ dấn thân yêu đời*; Lê Tuyên với *Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày*, *Thời gian hiện sinh trong Đoạn trường tân thanh*; Đỗ Long Vân với *Nguồn nước ẩn của Hồ Xuân Hương*, *Vô Kỵ giữa chúng ta hay là hiện tượng Kim Dung*; Đặng Phùng Quân với *Triết học và Văn chương*; Nguyên Sa với *Một bông hồng cho văn nghệ*, *Quan điểm văn học và triết học*… Có thể thấy, so với đời sống lý luận phê bình văn học miền Bắc Việt Nam cùng thời kỳ, đời sống lý luận phê bình văn học ở miền Nam Việt Nam không chỉ sống động, phong phú, đa dạng mà còn có những bước tiến dài, thậm chí có cùng nhịp thở với lý luận phê bình văn chương thế giới đương thời. Trên một phương diện khác, cũng có thể nói, chính đời sống văn học đa nguyên hóa này của miền Nam đã góp phần làm giảm đi tính xơ cứng, đơn điệu của lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam nói chung trong giai đoạn 1945-1975.

Trong giai đoạn này, Mỹ học tiếp nhận nổi lên như một xu hướng chủ lưu của đời sống văn học, nghệ thuật Việt Nam đương thời. Được du nhập vào Việt Nam ngay từ những năm 1960, 1970, qua các công trình dịch thuật, nghiên cứu của các học giả miền Nam Việt Nam như Nguyễn Văn Xung, Tam Ích, Lữ Phương, Nguyễn Hiến Lê, Nguyên Sa, Đặng Tiến, Huỳnh Phan Anh… hay qua các tiểu luận gây nhiều tranh cãi của Nguyễn Văn Hạnh ở miền Bắc. Sự xuất hiện của một loạt các tiểu luận và chuyên luận liên quan đến các khía cạnh khác nhau của Mỹ học tiếp nhận càng chứng tỏ lý thuyết này đã thực sự trở thành sự kiện học thuật quan trọng trong đời sống lý luận, phê bình văn học ở Việt Nam. Các tiểu luận của Nguyễn Văn Dân như *Tiếp nhận mỹ học tiếp nhận như thế nào?* [6], *Nghiên cứu sự tiếp nhận văn chương trên quan điểm liên ngành* [7]; *Tiếp nhận văn học - Một vấn đề thời sự* của Nguyễn Lai [17]; *Trao đổi thêm về tiếp nhận văn học* của Nguyễn Thanh Hùng [16]… cho đến các chuyên luận của Trần Đình Sử như *Tiếp nhận - bình diện mới của lý luận văn học* [27]; *Từ Văn bản đến tác phẩm văn học* [34], *Tác phẩm Văn học như là quá trình* [11] của Trương Đăng Dung… đều cho thấy sức nóng của lý thuyết này trên văn đàn Việt Nam.

4. Ảnh hưởng của lý luận, phê bình văn học phương Tây đến Việt Nam từ 1986 đến nay

Năm 1986, sau khi thống nhất đất nước được 11 năm, Việt Nam chính thức bước vào công cuộc đổi mới, mở cửa và cải cách. Những thay đổi về kinh tế, xã hội kéo theo những thay đổi trong đời sống tư tưởng, văn hóa. Từ chỗ tôn vinh nền văn hóa đại chúng Xô viết mà xem giai cấp vô sản và

đấu tranh cách mạng là hạt nhân, một cách thái quá, đời sống văn hóa xã hội Việt Nam đã có những bước chuyển mình mới mẻ, cụ thể là việc mở cửa để tiếp nhận một cách có chọn lọc văn hóa các dân tộc trên thế giới, trong đó có phương Tây. Những tưởng, cái "vòng kim cô" về mặt ý thức hệ và tư tưởng sẽ được gỡ bỏ hoặc chí ít cũng sẽ nới lỏng ra rất nhiều so với thời kỳ trước, nhưng sự thật là, đời sống văn hóa, tư tưởng của người Việt trong nước vẫn bị chi phối về nhiều mặt bởi hệ hình ý thức hệ xã hội chủ nghĩa xơ cứng. Hệ quả của nó là, chủ trương tự do tư tưởng và ngôn luận, vẫn tồn tại rất nhiều "vùng cấm" hoặc hạn chế "giải mã". Điều này dẫn tới việc cũng giống như những năm đầu của thế kỉ XX, các học giả Việt Nam sau này mặc dù rất hào hứng và chủ động trong việc tiếp nhận các trào lưu, học thuyết phương Tây hiện đại, trong đó có lý luận và phê bình văn học, song việc tiếp nhận diễn ra một cách khá đơn lẻ và thiếu tính hệ thống. Lê Huy Bắc nhận định: "Tiếc thay, cho đến nay, Việt Nam chưa có bất cứ một trường phái nghiên cứu văn chương bản địa nào. Chúng ta hầu như chẳng có đóng góp nhiều cho nền lý thuyết văn chương thế giới ở cả hai lĩnh vực nghiên cứu và sáng tạo. Tất cả những gì ta làm được chủ yếu là du nhập các trường phái phê bình lý luận văn chương vào Việt Nam. Công bằng mà nói, chỉ trừ phê bình xã hội học Mác xít, đa số các trường phái vào ta đều theo cách "ta nghĩ thế nào thì nó thế đó"… việc tiếp thu lý thuyết văn học nước ngoài ở ta hầu như chưa có một chiến lược hay một kế hoạch dài hơi cụ thể nào" [4].

Tuy vậy, thành tựu của công cuộc đổi mới là không thể phủ nhận. Trong lĩnh vực văn học, đó là việc đổi mới hệ hình tư duy lý luận, phê bình văn học theo xu hướng đa dạng hóa các khuynh hướng lý luận, phê bình cũng như việc dịch thuật, giới thiệu và ứng dụng các trào lưu của lý luận, phê bình văn học phương Tây vào nghiên cứu các hiện tượng văn học Việt Nam. Các công trình lý luận, phê bình tiêu biểu của thời kỳ này, có thể kể đến: Trương Đăng Dung với *Từ văn bản đến tác phẩm Văn học* (1988), Nguyễn Văn Dân với *Nghiên cứu Văn học, Lý luận và ứng dụng* (1988), Hoàng Trinh với *Từ Ký hiệu học đến Thi pháp học* (1992), Phương Lựu với *Tìm hiểu Lý luận văn học phương Tây hiện đại* (1995), Lộc Phương Thủy với *Phê bình văn học Pháp thế kỷ 20* (1995), Đỗ Đức Hiểu với *Thi pháp hiện đại* (2000), Phương Lựu với *Lý luận phê bình văn học phương Tây thế kỷ 20* (2001), Trần Thiện Đạo với *Chủ nghĩa cấu trúc và thuyết Hiện sinh* (2001), Lê Huy Bắc với *Phê bình lý luận văn học Anh - Mỹ* (2002), Trịnh Bá Đĩnh với *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học* (2002), Khoa Văn học và Báo chí, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh với *Văn học so sánh, nghiên cứu và dịch thuật* (2003), Đỗ Lai Thúy với *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* (2002), Trần Đình Sử với *Tự sự học, Một số vấn đề lý luận và lịch sử* (2004), Lê Huy Bắc với *Văn học Hậu hiện đại - lý thuyết và tiếp nhận* (2012)… Các công trình nghiên cứu lý luận phê bình văn học kể trên cho thấy phần nào diện mạo của lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương đại. Đó là một nền lý luận sống động, đa dạng hóa nhưng thiếu tính chủ thể. Việc giới thiệu và tiếp nhận các trường phái lý luận, phê bình văn học phương Tây, phần nhiều được thực hiện thông qua sự nỗ lực đơn lẻ của một vài cá nhân. Hệ quả của

điều này là việc tiếp nhận được diễn ra một cách thiếu hệ thống, thậm chí có phần phiến diện. Cũng vì thế, văn đàn Việt Nam không hình thành nên được các trường phái nghiên cứu hoặc các nhóm nghiên cứu như đầu thế kỉ XX hay ở miền Nam giai đoạn 1954-1975. La Khắc Hòa cho rằng: "Có thể khẳng định chắc chắn rằng, trong vòng 30 năm nay, chúng ta đã dịch và giới thiệu với công chúng Việt Nam gần như tất cả những hệ thống lý luận văn nghệ hiện đại nhất của phương Tây ở thế kỉ XX"; "Tuy đã có tới mấy chục lý thuyết văn nghệ hiện đại phương Tây được quảng bá, nhưng không phải bất kỳ sự quảng bá nào cũng trở thành một sự kiện trong hoạt động tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài vào Việt Nam…" [38].

Giai đoạn này ghi nhận những nỗ lực khai mở và dấu ấn cá nhân của Trần Đình Sử với hướng nghiên cứu Thi pháp học. Từ các tiểu luận như *Thời gian nghệ thuật trong Truyện Kiều và cảm quan hiện thực của Nguyễn Du* [25, tr.52-56], *Cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Du trong Truyện Kiều* [26], cho đến các chuyên luận như *Thi pháp thơ Tố Hữu* (1987), *Những vấn đề thi pháp học hiện đại* (1993), *Dẫn luận thi pháp học* (1999), *Thi pháp Truyện Kiều* (2002), *Tự sự học: những vấn đề lý luận và lịch sử* (2006, 2009)… Trần Đình Sử đã thể hiện dấu ấn cá nhân kiệt xuất trong việc tiếp nối, phát triển hệ hình thi pháp học Việt Nam suốt mấy chục năm qua. Sự áp dụng một cách rộng rãi, thậm chí được công thức hóa "mô hình thi pháp học Trần Đình Sử" trong hệ thống nhà trường, đặc biệt là trong các luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ cho thấy sức ảnh hưởng và dấu ấn sâu đậm của ông cùng với Thi pháp học trong hệ hình lý luận và phê bình văn học Việt Nam.

Từ sau 1986, phân tâm học lại có sức hút mãnh liệt đến lạ kỳ và được đông đảo nhà nghiên cứu dịch, giới thiệu và quảng bá. Có thể kể đến một loạt bản dịch Việt ngữ các tác phẩm của S. Freud, C. Jung, E. Fromm, như: *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo (Vật tổ và cấm kỵ)* [21], *Bệnh lý học tinh thần về sinh hoạt đời thường* [22], *Phân tâm học nhập môn* [23], *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* [24], *Ngôn ngữ bị lãng quên* [13], *Phân tâm học tình yêu* [14, tr.185-237]… Không chỉ được dịch, giới thiệu một cách khá toàn diện, phân tâm học còn được các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học Việt Nam diễn giải, vận dụng một cách hết sức sáng tạo: Phạm Minh Hạc với *Học thuyết và tâm lý học Sigmund Frued* [15], Phạm Minh Lăng với *Freud và Tâm phân học* [19], Mai Ngọc Diệp với *Freud và những luận điểm của ông chung quanh vấn đề liên quan đến văn hóa* [9, tr.11-20], Nguyễn Văn Dân với *Tâm phân học vô thức với việc phân tích cấu trúc tác phẩm văn học* [8, tr.26-31]. Đặc biệt phải kể đến Đỗ Lai Thúy với những đóng góp bền bỉ, không ngừng nghỉ của ông cho phê bình văn học Việt Nam theo hướng nghiên cứu phân tâm học. Các công trình do ông biên soạn, như: *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật* [31], *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* [32], *Phân tâm học và tình yêu* [33], *Phân tâm học và tính cách dân tộc* [34], *Hoài niệm phồn thực* [36]… trở thành một bộ phận quan trọng của nền phê bình văn học đương đại Việt Nam, đồng thời, góp phần làm cho phân tâm học trở nên quen thuộc hơn, đại chúng hóa hơn trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam.

Ngoài ra, trong hơn một thập niên trở lại đây, những đại biểu của Hậu hiện đại

thế giới như: J. Derrida, J. Lacan, J. Deleuze, M. Foucault, Paul Michael de Man, Geoffrey H, Hartman, Harold Blom, Hillis Joseph Miller… được biết đến và dần trở nên quen thuộc với giới nghiên cứu văn học ở Việt Nam. Lý thuyết hậu hiện đại mặc dù được tiếp nhận tương đối muộn, song cho đến nay, thành tựu mà nó đạt được là không hề nhỏ. Từ dấu mốc đầu tiên vào năm 2000 với bài nghiên cứu của Phương Lựu đăng trên tạp chí *Nhà văn* với tựa đề *Tìm hiểu chủ nghĩa hậu hiện đại* và sau đó là sự xuất hiện của tuyển tập *Văn học hậu hiện đại thế giới*, lý thuyết này đã được các học giả Việt đón nhận, dịch thuật và vận dụng một cách khá sâu rộng. Trong *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỷ XX* [30], chúng ta dễ dàng nhận ra, các nghiên cứu của các học giả hậu hiện đại nổi tiếng thế giới như: J.F. Lyotard, D. Martin Fields, Hans Bertens, W. Grassie, Fredric Jameson, Chen Xiaoming… cũng đã được chọn lựa để dịch thuật và giới thiệu trên văn đàn Việt Nam. Song song với việc dịch thuật và quảng bá chủ nghĩa hậu hiện đại trên phương diện lý thuyết, các nhà nghiên cứu và các dịch giả cũng chú ý đến việc dịch và giới thiệu các tác phẩm của nhiều nhà văn hậu hiện đại thế giới như Gabriel Garcia Marquez hay Haruki Murakami…

Sức sống của lý thuyết này tại Việt Nam còn được thể hiện qua một loạt các luận án tiến sĩ chọn lựa việc vận dụng hậu hiện đại làm nền tảng lý luận để giải quyết các vấn đề nghiên cứu được bảo vệ trong thời gian gần đây.

Có thể nhận thấy, hậu hiện đại với tư cách là một lý thuyết ngoại lai, đã được tiếp nhận và có một đời sống phong phú tại Việt Nam. Bên cạnh các lý thuyết nói trên, Tự sự học và lý thuyết diễn ngôn, Chủ nghĩa hậu cấu trúc Pháp, Chủ nghĩa giải cấu trúc Mỹ, Chủ nghĩa tân lịch sử, Phê bình nữ quyền, Phê bình hậu thực dân, Nghiên cứu văn hóa… cũng là các lý thuyết nổi tiếng phương Tây được quan tâm giới thiệu và thực hành tại Việt Nam. Tuy vậy, sự tiếp nhận này tự phát và thiếu đồng bộ, Đoàn Ánh Dương nhận định: "Nó làm cho khoa học văn học ở Việt Nam dễ bị rơi vào hai tình trạng: một, văn học Việt Nam trở thành chất liệu minh họa cho tính đúng đắn của lý thuyết; hai, chỉ hấp thụ một số khía cạnh nào đó của lý thuyết sao cho phù hợp với điều kiện Việt Nam, tức biến hóa thành một thứ lý thuyết mang "màu sắc Việt Nam"… Người ta chỉ chọn những lý thuyết này chứ không phải lý thuyết kia, xuất phát từ sức hấp dẫn của lý thuyết, khả năng tương thích với hoàn cảnh của Việt Nam, hay đơn giản hơn, như một cơ duyên trong quá trình học tập và nghiên cứu văn học…" [12, tr.37-53].

5. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, ở bất cứ giai đoạn và thời kỳ lịch sử nào, việc tiếp xúc với các trường phái, học thuyết phương Tây đều khiến cho hoạt động sáng tác và phê bình văn học Việt Nam trở nên sôi động, có sinh khí hơn. Lý luận, phê bình văn học phương Tây có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình hiện đại hóa văn hóa, văn học Việt Nam, trên tất cả mọi phương diện từ ý thức thẩm mỹ, sáng tác đến nghiên cứu và phê bình. Trong hơn một thế kỉ qua, chúng ta chứng kiến nền văn nghệ Việt Nam bằng ý thức dân tộc và tinh thần hiện đại hóa

nội tại cũng như sự hỗ lực từ các trường phái học thuyết phương Tây hiện đại, đã thực hiện hai lần việc chuyển đổi loại hình ý thức hệ trong văn học: lần đầu tiên, vào những năm đầu của thế kỉ XX, với việc chuyển mình từ mô thức văn nghệ truyền thống (chịu tác động sâu sắc bởi truyền thống "văn dĩ tải đạo" của Nho giáo) sang mô thức văn nghệ hiện đại (biểu hiện rõ rệt nhất là sự thay thế của các thể loại văn học hiện đại như thơ tự do, truyện ngắn, tiểu thuyết và phê bình hiện đại thay vì các thể loại văn học truyền thống như thơ luật, tiểu thuyết chương hồi, phú hay phê bình truyền thống); lần thứ hai, từ sau đổi mới 1986 đến nay, với việc chuyển mình từ văn nghệ thuần Mác-xít sang một nền văn nghệ mới, đang dạng hóa, cởi mở và nhiều không gian tự do sáng tạo hơn. Tuy thế, sự bất bình đẳng trong quá trình tiếp nhận (phê bình Mác-xít vẫn được xem là chủ lưu), khiến cho việc "nhập khẩu" các lý thuyết từ các trường phái lý luận phương Tây không được diễn ra một cách toàn diện và triệt để; vẫn có những "vùng cấm" hoặc bị hạn chế trong quá trình tiếp nhận và vận dụng. Điều này khiến cho nền văn nghệ Việt Nam, vốn dĩ đã cởi bỏ được lớp áo của sự cũ kỹ và giáo điều ngay từ những năm đầu thế kỉ XX, nay lại phải khoác lên một lớp áo giáo điều khác, chỉ có điều, lớp áo sau này được đan dệt một cách tinh vi hơn mà thôi.

Việc nhìn nhận lại và đánh giá mối quan hệ giữa lý luận, phê bình văn học phương Tây và Việt Nam, cũng như đặc điểm tiếp nhận và ứng dụng của nó có ý nghĩa to lớn, đặc biệt trong việc đánh giá lại tiến trình "hiện đại hoá" của nền văn nghệ Việt Nam, nhất là trên phương diện nghiên cứu, phê bình. Để từ đó, có những thao tác hay bước đi phù hợp nhằm bổ khuyết và phát triển nền văn nghệ trong nước, cũng như có những đóng góp mới, tương xứng hơn cho văn học thế giới. Tất nhiên, để làm được điều này, việc chỉ chạy theo và học hỏi rồi vận dụng các lý thuyết ngoại lai hoặc từ truyền thống lý luận, phê bình văn học phương Tây là chưa đủ. Quảng bá, giới thiệu các tác phẩm văn học ưu tú của nền văn học Việt Nam ra thế giới, cũng như tham dự nhiều hơn vào đời sống nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học toàn cầu cũng là việc mà các dịch giả và các nhà nghiên cứu văn nghệ của Việt Nam nên nỗ lực thực hiện.

Chú thích

[2] "Có hại" ở đây được hiểu là các nội dung sáng tác, phê bình ngoài chủ nghĩa Mác-xít.

Tài liệu tham khảo

[1] Phan Tuấn Anh (2012), "Mỹ học tính dục và cuộc phiêu lưu giải phóng thiên tính nữ trong văn học nghệ thuật", Tạp chí *Sông Hương*, số 236.

[2] Nguyễn Ngọc Ảnh (1969), "Nghệ thuật phê bình của Bielinxki", Tạp chí *Văn học*, số 3.

[3] Lê Huy Bắc, (2007), "Chí Phèo dưới cái nhìn phân tâm học", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

[4] Lê Huy Bắc, (2015), "Thực trạng tiếp nhận lý thuyết văn học phương Tây ở Việt Nam sau 1986", Tạp chí *Văn nghệ quân đội*.

[5] Nguyễn Thị Bình, Đoàn Ánh Dương (2013), "Phân tâm học trong tiểu thuyết đô thị

miền Nam, trường hợp Thanh Tâm Tuyền", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

[6] Nguyễn Văn Dân (1985), "Tiếp nhận mỹ học tiếp nhận như thế nào?", Tạp chí *Thông tin Khoa học*, số 11.

[7] Nguyễn Văn Dân (1986), "Nghiên cứu sự tiếp nhận văn chương trên quan điểm liên ngành", Tạp chí *Văn học*, số 7, 8.

[8] Nguyễn Văn Dân (2003), "Tâm phân học vô thức với việc phân tích cấu trúc tác phẩm văn học", Tạp chí *Văn học*, số 4.

[9] Mai Ngọc Diệp, (2005), "Freud và những luận điểm của ông xung quanh vấn đề liên quan đến văn hóa", Tạp chí *Thông tin Khoa học*, số 18.

[10] Trương Đăng Dung (1998), *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[11] Trương Đăng Dung (2004), *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[12] Đoàn Ánh Dương (2014), "Sự du hành của lý thuyết: (tiếp nhận) lý thuyết phương Tây hiện đại ở Việt Nam đương đại", Tạp chí *Nghiên cứu văn học,* số 7.

[13] Erich Fromm (2002) (Lê Tịnh dịch), *Ngôn ngữ bị lãng quên*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[14] Erich Fromm (2003) (Tuệ Sỹ dịch), "Phân tâm học tình yêu", Tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 4.

[15] Phạm Minh Hạc (2013), *Học thuyết và tâm lý học Sigmund Freud*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[16] Nguyễn Thanh Hùng (1990), "Trao đổi thêm về tiếp nhận văn học", Tạp chí *Văn nghệ*, số 42.

[17] Nguyễn Lai, (1990), "Tiếp nhận văn học - một vấn đề thời sự", Tạp chí *Văn nghệ*.

[18] Thanh Lãng (1995), *13 năm tranh luận văn học (1932 - 1945)*, t.3, Nxb Văn học, Hà Nội.

[19] Phạm Minh Lăng (2000), *Freud và Tâm phân học*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[20] Nguyên Sa (1967), *Một bông hồng cho Văn nghệ*, Nxb Trình Bầy, Sài Gòn.

[21] Sigmund Freud (2001) (Lương Văn Kế dịch), *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo (Vật tổ và cấm kỵ)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[22] Sigmund Freud (2002) (Bùi Lưu Phi Khanh dịch), *Bệnh lý học tinh thần về sinh hoạt đời thường*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[23] Sigmund Freud (2002) (Nguyễn Xuân Hiến dịch), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[24] Sigmund Freud (2004) (Đỗ Lai Thúy chủ biên), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[25] Trần Đình Sử (1981), "Thời gian nghệ thuật trong Truyện Kiều và cảm quan hiện thực của Nguyễn Du", Tạp chí *Văn học*, số 5.

[26] Trần Đình Sử (1982), "Cái nhìn nghệ thuật của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, Tạp chí *Văn học*, số 2.

[27] Trần Đình Sử (2005), *Tiếp nhận - Bình diện mới của lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[28] Trần Đình Sử (2016), *Trên đường biên của lý luận văn học*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

[29] Hoài Thanh, Hoài Chân, (1988), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[30] Lộc Phương Thủy (Chủ biên), (2007), *Lý luận phê bình văn học thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[31] Đỗ Lai Thúy (2000), *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[32] Đỗ Lai Thúy (2001), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[33] Đỗ Lai Thúy (2003), *Phân tâm học và tình yêu*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[34] Đỗ Lai Thúy (2007), *Bút pháp của ham muốn (phê bình phân tâm học)*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[35] Đỗ Lai Thúy (2007), *Phân tâm học và tính cách dân tộc*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[36] Đỗ Lai Thúy, Hồ Xuân Hương (1999), *Hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[37] Trần Ngọc Vương (1986), *Tuyển tập Tản Đà*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[38] https://languyensp.wordpress.com/2016/01/29/su-tiep-nhan-cac-li-thuyet-van-nghe-hien-dai-phuong-tay-tu-1986-den-nay/